

Số: 16/2016/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2016

THÔNG TƯ

**Quy định về thực hiện đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống
đối với đường sắt đô thị**

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về thực hiện đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống đối với đường sắt đô thị.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định: việc thực hiện đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống; thủ tục thẩm định hồ sơ an toàn hệ thống cho tuyến đường sắt đô thị khi xây dựng mới và nâng cấp; chứng nhận định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành của tuyến đường sắt đô thị trong quá trình khai thác.

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với đường sắt một ray dẫn hướng tự động, đường xe điện bánh sắt chạy chung nền với đường bộ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, thiết kế, xây dựng, vận hành; đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống; thẩm định hồ sơ an toàn hệ thống cho tuyến đường sắt đô thị khi xây dựng mới và nâng cấp; chứng nhận định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành của tuyến đường sắt đô thị trong quá trình khai thác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Rủi ro* là tỉ lệ xuất hiện của một nguy hiểm gây ra thiệt hại và mức độ nghiêm trọng của thiệt hại đó.

2. *Đánh giá rủi ro* là quá trình phân tích định tính hoặc định lượng rủi ro để có cơ sở lựa chọn áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro hiệu quả.

3. *An toàn hệ thống* là việc đảm bảo an toàn bằng cách áp dụng có hệ thống các biện pháp kỹ thuật, công cụ quản lý để xác định các nguy cơ, kiểm soát các rủi ro nhằm đạt được các mục tiêu về độ tin cậy, tính sẵn sàng, khả năng bảo dưỡng và độ an toàn.

4. *Đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống* là quá trình đánh giá độc lập sự phù hợp của hồ sơ, tài liệu, công việc thực hiện với các yêu cầu của tiêu chuẩn quản lý an toàn và xác nhận tuyến đường sắt đô thị đảm bảo an toàn vận hành.

5. *Tổ chức chứng nhận an toàn độc lập* (sau đây gọi tắt là *Tổ chức chứng nhận*) là tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống cho đường sắt đô thị.

6. *Tổ chức vận hành* là tổ chức được giao quản lý, vận hành và duy trì hoạt động của tuyến đường sắt đô thị.

7. *Chủ đầu tư* là cơ quan, tổ chức sở hữu vốn hoặc được giao trực tiếp quản lý và sử dụng vốn để thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng đường sắt đô thị.

8. *Hệ thống quản lý an toàn vận hành* là hệ thống quản lý của Tổ chức vận hành, bao gồm các quy định, hướng dẫn về cơ cấu tổ chức và các quy trình quản lý của Tổ chức vận hành được xây dựng phù hợp với tiêu chuẩn quản lý an toàn, được cấp có thẩm quyền phê duyệt để kiểm soát hiệu quả các rủi ro.

9. *Giấy chứng nhận an toàn hệ thống* là chứng chỉ của Tổ chức chứng nhận xác nhận tuyến đường sắt đô thị được thiết kế, xây dựng phù hợp với tiêu chuẩn quản lý an toàn và đủ điều kiện an toàn vận hành.

Điều 4. Quy định chung về đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống

1. Tuyến đường sắt đô thị xây dựng mới phải được đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống và thẩm định hồ sơ an toàn hệ thống trước khi đưa vào khai thác.

2. Tuyến đường sắt đô thị khi tiến hành nâng cấp một trong các nội dung dưới đây phải được đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống và thẩm định hồ sơ an toàn hệ thống trước khi đưa vào khai thác:

- a) Thay đổi hệ thống tín hiệu điều khiển chạy tàu;
- b) Thay đổi kiểu loại phương tiện;
- c) Cải tạo hệ thống cung cấp điện sức kéo;
- d) Nâng cao năng lực vận tải, mở rộng quy mô tuyến;
- đ) Thay đổi cơ cấu tổ chức vận hành.

3. Đề cương nhiệm vụ chứng nhận an toàn hệ thống bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Các bộ phận, hệ thống phụ, hạng mục thực hiện đánh giá, chứng nhận trong từng giai đoạn;

b) Cơ sở phân chia các giai đoạn thực hiện đánh giá, chứng nhận, kế hoạch thực hiện;

c) Các quy định pháp lý, các giới hạn an toàn, tiêu chuẩn an toàn cho từng bộ phận, hệ thống phụ, hạng mục;

d) Quy trình, phương pháp thực hiện, các thử nghiệm sẽ tiến hành;

đ) Các tài liệu, báo cáo chuyển giao.

4. Đề cương nhiệm vụ chứng nhận an toàn hệ thống sau khi được Chủ đầu tư phê duyệt phải gửi cho Cục Đăng kiểm Việt Nam trước khi thực hiện đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống. Trường hợp đề cương nhiệm vụ chứng nhận an toàn hệ thống chưa phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều này thì Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo tới Chủ đầu tư để hoàn thiện đề cương.

5. Đối với dự án có áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn hệ thống tương đương, phù hợp thì việc đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định.

Điều 5. Quy định về hệ thống quản lý an toàn vận hành

1. Hệ thống quản lý an toàn vận hành phải được xây dựng trước khi đưa tuyến đường sắt đô thị vào khai thác.

2. Hệ thống quản lý an toàn vận hành bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Chính sách an toàn;

b) Mục tiêu an toàn;

c) Kế hoạch an toàn;

d) Sự phù hợp với các tiêu chuẩn hoặc các quy định;

đ) Quản lý sự thay đổi;

e) Quản lý rủi ro;

g) Quản lý năng lực người thực hiện;

h) Quản lý đào tạo nguồn nhân lực quản lý an toàn;

i) Quản lý tài liệu, trao đổi thông tin;

k) Quản lý tình huống khẩn cấp;

l) Quản lý điều tra tai nạn, sự cố;

m) Đánh giá nội bộ.

3. Hệ thống quản lý an toàn vận hành phải được Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra, chứng nhận định kỳ trong quá trình khai thác.

Chương II

ĐÁNH GIÁ, CHỨNG NHẬN AN TOÀN HỆ THỐNG

Điều 6. Nội dung đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống khi xây dựng mới

1. Đánh giá độ tin cậy, tính sẵn sàng, khả năng bảo dưỡng và độ an toàn đối với các hệ thống sau: phương tiện; hệ thống tín hiệu điều khiển chạy tàu; hệ thống cung cấp điện sức kéo; cửa chắn ke ga (nếu có).

2. Đánh giá rủi ro phương án sơ tán hành khách trong trường hợp khẩn cấp, trên cầu cạn, trong đường hầm, nhà ga; đánh giá rủi ro kiểm soát khói, thoát nhiệt, thông gió trong đường hầm.

3. Đánh giá tương thích điện từ.

4. Đánh giá tích hợp hệ thống.

5. Đánh giá thử nghiệm vận hành, chạy thử hệ thống.

6. Đánh giá Hệ thống quản lý an toàn vận hành.

7. Các nội dung đánh giá khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Điều 7. Nội dung đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống khi nâng cấp

1. Đánh giá độ tin cậy, tính sẵn sàng, khả năng bảo dưỡng và độ an toàn đối với các hạng mục nâng cấp.

2. Đánh giá tích hợp hệ thống.

3. Đánh giá chạy thử hệ thống sau khi nâng cấp.

4. Đánh giá Hệ thống quản lý an toàn vận hành.

5. Các nội dung đánh giá khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Điều 8. Trình tự thực hiện đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống khi xây dựng mới và nâng cấp

1. Chủ đầu tư xây dựng điều khoản tham chiếu của hồ sơ mời thầu đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Căn cứ điều khoản tham chiếu, Tổ chức chứng nhận xây dựng đề cương nhiệm vụ chứng nhận an toàn hệ thống theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Thông tư này.

3. Tổ chức chứng nhận thực hiện theo đề cương nhiệm vụ chứng nhận an toàn hệ thống đã được phê duyệt. Sau khi kết thúc các hạng mục, giai đoạn chứng nhận, Tổ chức chứng nhận phải có báo cáo đánh giá gửi Chủ đầu tư.

4. Sau khi hoàn thành tất cả các hạng mục đánh giá theo đề cương nhiệm vụ chứng nhận an toàn hệ thống, Tổ chức chứng nhận lập báo cáo đánh giá cuối cùng, cấp Giấy chứng nhận an toàn hệ thống và đưa ra các khuyến nghị (nếu có).

Điều 9. Giấy chứng nhận an toàn hệ thống

Giấy chứng nhận an toàn hệ thống bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

1. Tên, địa chỉ của Tổ chức chứng nhận.

2. Tên của tuyến, đoạn tuyến đường sắt đô thị.

3. Tên, địa chỉ của tổ chức vận hành.

4. Thông tin về đặc tính kỹ thuật của tuyến đường sắt đô thị, bao gồm: khổ đường, chiều dài tuyến, đoạn tuyến, số ga, hệ thống cung cấp điện sức kéo, thành phần đoàn tàu, hệ thống tín hiệu điều khiển chạy tàu, năng lực chuyên chở.

5. Tiêu chuẩn áp dụng để chứng nhận.

6. Kết luận của Tổ chức chứng nhận về sự phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng và an toàn vận hành của tuyến đường sắt đô thị.

Chương III

THẨM ĐỊNH HỒ SƠ AN TOÀN HỆ THỐNG ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ

Điều 10. Quy định về hồ sơ thẩm định

1. Hồ sơ thẩm định bao gồm:
 - a) Giấy đề nghị thẩm định theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;
 - b) Báo cáo đánh giá các hạng mục của Tổ chức chứng nhận;
 - c) Báo cáo khắc phục các vấn đề không phù hợp của nhà thầu;
 - d) Báo cáo đánh giá cuối cùng và bản sao Giấy chứng nhận an toàn hệ thống của Tổ chức chứng nhận.
2. Thời điểm nộp hồ sơ: Hồ sơ thẩm định nộp sau khi kết thúc đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống.
3. Cách thức nộp hồ sơ: Chủ đầu tư nộp hồ sơ thẩm định trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Điều 11. Nội dung thẩm định

1. Kiểm tra sự phù hợp của hồ sơ theo quy định tại Điều 10 của Thông tư này.
2. Kiểm tra sự phù hợp của các nội dung chứng nhận an toàn hệ thống với đề cương nhiệm vụ chứng nhận an toàn hệ thống.

Điều 12. Trình tự thực hiện thẩm định

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, sau 07 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành thẩm định hồ sơ.
2. Trong thời hạn 28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm:
 - a) Thông báo kết quả thẩm định theo mẫu tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu;
 - b) Có văn bản nêu rõ lý do không đạt và yêu cầu Chủ đầu tư khắc phục, hoàn thiện trong trường hợp kết quả thẩm định không đạt yêu cầu.